TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024.
Về việc: Tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Mẫn;

2. Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trân Quốc Vương– Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp thừa kế", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Ung Thị M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số E đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*:

1/ Ông Ung Văn V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Ung Văn P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Ung Văn S, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Ung Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Ung Văn N, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Ung Văn B1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ông Ung Văn T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Bà Ung Thị M1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

6/ Bà Ung Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

7/ Ông Ung Văn Ú, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt bà T, bà M, ông S, ông Ú; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ung Thị M và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Kim T xác định:

Cha của bà M là ông Ung Văn M2 đã chết ngày 23/02/2022 và mẹ của bà là bà Lê Thị T2 đã chết ngày 15/12/2017. Ông M2 và bà T2 có tất cả 12 người con gồm: Ung Thị Bé Ba đã chết ngày 10/9/2015, không có chồng, con; Ung Thị B, Ung Văn N, Ung Văn S, Ung Văn B1, Ung Văn T1, Ung Thị M, Ung Thị M1, Ung Thị H, Ung Văn P, Ung Văn V và Ung Văn Ú.

Cha, mẹ của bà M để lại di sản gồm 1508, 6 m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/01/2014 cho hộ ông Ung Văn M2.

Vào năm 1986, bà M được cha, mẹ cho diện tích khoảng 300 m^2 nằm trong thửa đất số 64 và đã xây nhà cấp 4 sử dụng từ năm 1986 đến năm 2014 nhà nước thu hồi 99,3 m^2 để xây dựng tuyến tránh Quốc lộ A nên thửa 64 chỉ còn lại diện tích 1409,3 m^2, trong đó đất ở nông thôn 300 m^2 và đất cây lâu năm 1109,3 m^2.

Ngày 21/3/2015, ông M2 và bà T2 có lập di chúc để lại cho bà M diện tích 300 m^2 trong đó có 100 m^2 đất ở, đất có tứ cận: Đông giáp kênh, T3 giáp Lê Văn T4, Nam giáp Ung Thị Kim Q, B2 giáp Lê Văn T5 (Tuyến tránh quốc lộ A); di chúc được Văn phòng C chứng thực.

Sau khi ông M2, bà T2 qua đời; bà M lập thủ tục nhận đất theo di chúc thì các ông, bà Ung Văn S, Ung Văn P và Ung Văn V không đồng ý.

Bà Ung Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết: chia thừa kế theo di chúc cho bà được nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 292,2 m^2 trong đó có 50 m^2 đất ONT thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; bà M có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích thực tế đo đạc 292,2 m^2 trong đó có 50 m^2 đất ONT nằm trong thửa 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

- Ông Ung Văn V không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Ung Văn P trình bày: tại biên bản ghi lời khai ngày 01/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của ông có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Ông P xác định di chúc bà M giao nộp không hợp pháp do đất cấp cho hộ nên ông M2 và bà T2 không thể tự ý di chúc cho bà Ung Thị M khi chưa có sự đồng ý của thành viên trong hộ. Hiện nay bà M đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất với diện tích khoảng 300 m^2. Ông P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 phần thừa kế đối với diện tích 1.409,3 m^2 thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014; diện tích bà M sử dụng dư ra so với 01 phần thừa kế thì đề nghị bà M thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ông P không có đơn yêu cầu chia thừa kế.

- Ông Ung Văn S trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của ông có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Ông S xác định di chúc bà M giao nộp không hợp pháp do đất cấp cho hộ nên ông M2 và bà T2 không thể tự ý di chúc cho bà Ung Thị M khi chưa có sự đồng ý của thành viên trong hộ. Hiện nay bà M đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất với diện tích khoảng 300 m^2. Ông S yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 phần thừa kế đối với diện tích 1.409,3 m^2 thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014; diện tích bà M sử dụng dư ra so với 01 phần thừa kế thì đề nghị bà M thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ông S không có đơn yêu cầu chia thừa kế.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ung Văn Ú trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của ông có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Ông Ú xác định di chúc bà M giao nộp không hợp pháp do đất cấp cho hộ nên ông M2 và bà T2 không thể tự ý di chúc cho bà Ung Thị M khi chưa có sự đồng ý của thành viên trong hộ. Hiện nay bà M đã xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất với diện tích khoảng 300 m^2. Ông Ú yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 phần thừa kế đối với diện tích 1.409,3 m^2 thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014; diện tích bà M sử dụng dư ra so với 01 phần thừa kế thì đề nghị bà M thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ông Ung Văn Ú không có đơn yêu cầu chia thừa kế.

- Ông Ung Văn N trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của ông có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Ông N không có ý kiến gì đối với di chúc bà M giao nộp. Ông N muốn chia thừa kế theo pháp luật cho 11 phần thừa kế bằng nhau đối với diện tích 1.409,3 m^2 thuộc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Ung Văn N không có đơn yêu cầuchia thừa kế.

- Bà Ung Thị M1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của bà có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Bà đồng ý theo nội dung di chúc do cha, mẹ để lại vì khi cha, mẹ còn sống cũng đã cho đất cho bà M xây dựng nhà được sự đồng ý của tất cả anh, chị em. Bà có nghe cha, mẹ bà nói về việc lập di chúc cho đất bà M và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện

của bà M, phần diện tích còn lại bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho11 phần; bà yêu cầu nhận 01 phần.

Bà Ung Thị M1 không có đơn yêu cầu chia thừa kế.

- Bà Ung Thị H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2022 xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ba, mẹ ông nhận thừa kế từ ông nội của ông. Anh, chị em của bà có tổng cộng 12 người, có Ung Thị B3 Ba không chồng, con đã chết vào năm 2015. Bà đồng ý theo nội dung di chúc do cha, mẹ để lại vì khi cha, mẹ còn sống cũng đã cho đất cho bà M xây dựng nhà được sự đồng ý của tất cả anh, chị em. Bà có nghe cha, mẹ bà nói về việc lập di chúc cho đất bà M và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M, phần diện tích còn lại bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 phần; bà yêu cầu nhận 01 phần.

Bà Ung Thị H không có đơn yêu cầuchia thừa kế.

- Ông Ung Văn T1 có bản tự khai ngày 01/12/2022 với nội dung: Cha, mẹ của ông là ông Ung Văn M2 đã chết ngày 23/02/2022 và bà Lê Thị T2 đã chết ngày 15/12/2017. Ông M2 và bà T2 có tất cả 12 người con gồm: Ung Thị Bé Ba đã chết ngày 10/9/2015, không có chồng, con; Ung Thị B, Ung Văn N, Ung Văn S, Ung Văn B1, Ung Văn T1, Ung Thị M, Ung Thị M1, Ung Thị H, Ung Văn P, Ung Văn V và Ung Văn Ú.

Cha, mẹ của ông chết có để lại di sản là quyền sử dụng đất thửa số 64, tờ bản đồ số 9 diện tích 1508, 6 m^2 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtt do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/01/2014 cho hộ ông Ung Văn M2.

Vào năm 1986, cha mẹ của ông có cho Ung Thị M diện tích khoảng 300 m^2 nằm trong thửa đất số 64 để xây nhà riêng nhưng chưa sang tên. Ngày 21/3/2015, ông M2 và bà T2 có lập di chúc để lại cho bà M phần diện tích 300 m^2. Sau khi cha, mẹ chết thì Ung Thị M lập thủ tục nhận đất theo di chúc nhưng Ung Văn S, U văn Phong và Ung Văn V không đồng ý. Ông T1 đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà Ung Thị M. Phần diện tích đất còn lại ông chưa yêu cầu giải quyết mà tạm thời giao cho bà Ung Thị B và ông Ung Văn B1 quản lý.

- Các ông, bà Ung Thị B và Ung Thị B4 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

* Bà Tạ Kim T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ung Thị M trình bày xác định bà Ung Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Ung Văn M2 và bà Lê Thị T2 để lại cho bà đối với phần đất hiện bà đang quản lý, sử dụng có diện tích thực tế đo đạc 292,2 m^2 trong đó có 50

m^2 đất ONT nằm trong thửa 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; bà M có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích thực tế đo đạc 292,2 m^2 trong đó có 50 m^2 đất ONT nằm trong thửa đất số 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

- Ông Ung Văn S trình bày: ông đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà Ung Thị M, yêu cầu bà M tháo dở hàng rào đã xây lấn chiếm ngoài ranh giải tỏa để anh, chị, em của ông đang sử dụng phần đất còn lại đi ra bên ngoài cho thông thoáng.

- Ông Ung Văn V và Ung Văn P vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ung Văn Ú trình bày: ông đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà Ung Thị M, yêu cầu bà M tháo dở hàng rào đã xây lấn chiếm ngoài ranh giải tỏa để anh, chị, em của ông đang sử dụng phần đất còn lại đi ra bên ngoài cho thông thoáng.

- Các ông, bà Ung Văn T1, Ung Thị M1 và Ung Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Các ông, bà Ung Văn N, Ung Thị B, Ung Văn B1 vắng mặt không không do.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Ung Văn V, Ung Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Ung Thị B, ông Ung Văn N, ông Ung Văn B1 đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sư xét xử vắng mặt những người này.

Các ông, bà Ung Văn T1, Ung Thị M1 và Ung Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ung Thị M là có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ:

- Lời khai của các ông, bà Ung Văn P, Ung Văn N, Ung Văn S, Ung Văn T1, Ung Thị M1 và Ung Thị H và Ung Văn Ú đều xác định thống nhất nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là của ông Ung Văn M2 và bà Lê Thị T2; lúc còn sống ông M2 và ông T2 đã cho bà M cất nhà ở tại vị trí đất hiện nay bà M yêu cầu chia thừa kế.

- Các ông bà Ung Văn P và ông Ung Văn N không đồng ý chia thừa kế theo di chúc của cụ M2 và cụ T2 để lại cho bà M vì cho rằng đất cấp cho hộ ông Ung Văn M2 nên ông M2 và bà T2 không có quyền định đoạt nhưng lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cả thửa đất cho 11 phần thừa kế bằng nhau nên mặc nhiên thừa nhận thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 là di sản của ông M2 và bà T2.

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 ngày 04/01/2014 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C cung cấp đã xác định: ông Ung Văn M2 có được thửa đất do cha mẹ để lại, ngày 16/7/1999 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 175 diện tích 1295 m^2 cho cá nhân ông Ung Văn M2; Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện sai năm sinh nên ông M2 có đơn xin cấp đổi lại và ngày 10/7/2000 ông M2 được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, ông Ung Văn M2 lập thủ tục xin cấp đổi lại giấy chứng nhận và ngày 04/01/2014 Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Ung Văn M2 thửa đất 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngày 21/3/2015, cụ ông ông Ung Văn M2 và cụ bà Lê Thị T2 lập di chúc để lại cho bà Ung Thị M diện tích đất 300 m^2 thuộc một phần của thửa đất 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và mô tả vị trí đất phù hợp nơi bà Ung Thị M đã xây dựng nhà.

- Di chúc do ông Ung Văn M2 và bà Lê Thị T2 xác lập được Văn phòng C chứng thực ngày 21/3/2015 đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 627, 628, 630 và 631 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: nguồn gốc thửa đất số 64 tờ bản đồ số 09 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là của ông Ung Văn M2 và bà Lê Thị T2 nên ông M2 và bà T2 có quyền lập di chúc định đoạt tài sản của mình cho bà Ung Thị M mà không phụ thuộc vào sự đồng ý của bất kỳ ai; Vì vậy: di chúc do ông Ung Văn M2 và bà Lê Thị T2 xác lập được Văn phòng C chứng thực ngày 21/3/2015 là hợp pháp; bà M yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông M2, bà T2 để lại đối với diện tích đo đạc thực tế 292,2 m^2 là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Những vấn đề khác:

* Tại phiên tòa, bà Tạ Kim T, ông Ung Văn S và ông Ung Văn Ú xác định thống nhất tài sản trên đất bà M yêu cầu chia là của bà M; các đương sự còn lại không có ý kiến tranh chấp gì đối với tài sản trên đất tranh chấp.

* Đối với ý kiến của ông Ung Văn S và ông Ung Văn Ú tại phiên tòa về việc yêu cầu bà M phải tháo dở phần công trình hàng rào xây lấn chiếm đất nằm ngoài ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc phạm vi điều chỉnh của Cơ quan hành chính nhà nước, không liên quan đến vụ án.

* Các ông, bà Ung Văn P, Ung Văn N có lời khai yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nhưng không có đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Bà Ung Thị H và Ung Thị M1 có lời khai yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất còn lại của thửa 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nhưng không có đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét; nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng quan hệ pháp luật khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Chi phí tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu xem xét chi phí tố tụng là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí:

Yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Ung Thị M được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị tài sản được chia (đất ONT giá 1.300.000 đồng/m^2, đất CLN giá 300.000 đồng/m^2) theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 624, 625, 627, 628, 630, 631, 635, 643 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ung Thị M.

Chia thừa kế theo di chúc của ông U văn Muôn và bà Lê Thị T2 lập ngày 21/3/2015 cho bà Ung Thị M diện tích đất đo đạc thực tế 292,2 m^2 (gồm 50 m^2 đất ONT và 242,2 m^2 đất CLN) thuộc một phần thửa 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/01/2014 cho hộ ông Ung Văn M2, đất hiện nay do bà Ung Thị M đang quản lý.

Bà Ung Thị M có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 292,2 m^2 (gồm 50 m^2 đất ONT và 242,2 m^2 đất CLN) thuộc một phần thửa 64 tờ bản đồ số 9 tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Có sơ đồ diện tích đất kèm theo bản án)

3. Về án phí:

Bà M phải chịu 6.883.000 đồng, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đãng nộp đồng theo biên lai thu số 0002692 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà M còn phải nộp tiếp tiền án phí 6.583.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Bà M, ông S và ông Ú có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Các ông, bà Ung Văn V, Ung Văn P, Ung Văn N, Ung Thị B4, Ung Văn T1, Ung Thị B, Ung Thị H, Ung Thị M1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT